**CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

**Tiết 1**

**Bài 1. THIẾT BỊ VÀO RA**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Sau bài học này em sẽ:

* Củng cố và phát triển kiến thức về xử lí thông tin ở lớp 6
* Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra có nhiều loại, hình dạng khác nhau
* Biết được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.
* Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thiết bị vào – ra.

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thiết bị vào – ra, cách sử dụng thiết bị an toàn.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực C (NLc):**

* Kể được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.
* Biết sử dụng thiết bị một cách an toàn và có trách nhiệm.
* Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.

**3. Về phẩm chất:**

* Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị.
* Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
* Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 7

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động (5p)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần giải quyết là các thiết bị vào ra là một trong bốn thành phần của máy tính hỗ trợ con người xử lí thông tin.

b) Nội dung: Học sinh đọc đoạn văn bản trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi: em biết những được điều gì sau khi đọc xong đoạn văn bản đó.

c) Sản phẩm: Họcsinh trả lời về thông tin trong đoạn văn bản*.*

d) Tổ chứcthực hiện: Chiếu đoạn văn bản, hoặc yêu cầu học sinh đọc trong Sách giáo khoa.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

* 1. **Thiết bị vào - ra**

**HĐ 2.1.1.** Phân biệt thiết bị vào, thiết bị ra. (10p)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh phân biệt được thiết bị vào, thiết bị ra.

b) Nội dung:Phiếu học tập số 1.

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * Chia nhóm HS. * Phát phiếu học tập 1. * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. * HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận* * HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định* * GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | 1. **Thiết bị vào – ra:**   **1.1 . Phân biệt thiết bị vào, thiết bị ra**  - Thiết bị vào được dùng để nhập thông tin vào máy tính.  - Thiết bị ra xuất thông tin từ máy tính ra để con người nhận biết được |

**Hoạt động 2.1.2.**Sự đa dạng của thiết bị vào – ra (10p).

a) Mục tiêu: HS nhận ra được thiết bị vào – ra có nhiều loại nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

b) Nội dung: Phiếu học tập số 2

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ* 2: GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ*: HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định*: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **1.2Sự đa dạng của thiết bị vào ra**  Các thiết bị vào – ra có nhiều loại, có những công dụng và hình dạng khác nhau  1 – B 2 – D |

**HOẠT ĐỘNG 2.2.An toàn thiết bị**

**HĐ 2.2.1.** Kết nối thiết bị vào – ra (10p)

a) Mục tiêu: HS biết thao tác lắp ráp đúng cổng kết nối và đúng trình tự để không gây sự cố cho thiết bị. HS biết cách sử dụng, lắp ráp thiết bị máy tính an toàn.

b) Nội dung: Phiếu học tập số 3

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Câu 1. a – 7; b – 6; c – 7; d – 3; e – 4; f – 8.

Câu 2. Việc cung cấp nguồn điện cho máy tính cần được thực hiện sau khi hoàn thành các kết nối khác để tránh bị điện giật hoặc xung điện làm hỏng thiết bị.

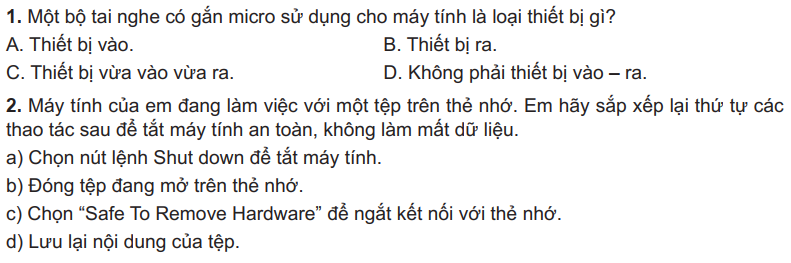
d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập số 3. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK và rút ra kết luận những việc nên và không nên làm khi lắp ráp, sử dụng thiết bị máy tính.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi   \*Câu hỏi củng cố:     * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | **2. An toàn thiết bị**  **2.1. Kết nối thiết bị vào – ra**  **Câu 1. a – 7; b – 6; c – 7; d – 3; e – 4; f – 8.**  **2.2.** An toàn khi sử dụng thiết bị máy tính   * Đọc kĩ hướng dẫn của nhà sản xuất trước khi sử dụng thiết bị. * Kết nối các thiết bị đúng cách.   Giữ gìn ơi làm việc với máy tính gọn gàng, ngăn nắp, vệ sinh, khô ráo  Sản phẩm:  Câu 1: B  Câu 2: Không nên vừa ăn vừa sử dụng máy tính vì cách làm việc đó không những ảnh hưởng đến cả tiêu hoá và công việc mà còn có thể gây ra mất an toàn cho thiết bị do đồ ăn, uống rơi, đổ vào thiết bị. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các khái niệm, phân biệt thiết bị vào – ra; cách sử dụng thiết bị an toàn.

b) Nội dung:



c) Sản phẩm:

Câu 1: C

Câu 2: d) – b) – c) – a).

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **Câu 1: C**  **Câu 2: d) – b) – c) – a).** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

a) Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học vận dùng vào các tình huống thực tế.

b) Nội dung: Phiếu học tập số 4

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập4. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | Câu 1. Qua màn hình theo dõi, em thấy có một người đứng trước camera an ninh. Họ không biết em đang theo dõi họ. Đó là vì camera an ninh chỉ là thiết bị vào mà không phải thiết bị ra. Nó thu hình ảnh trước ống kính và gửi đến nơi em đang theo dõi mà không cho người đứng trước ống kính biết nó gửi thông tin đi đâu, cho ai.  Câu 2. Virus gây ra lỗi của máy in. Máy in là thiết bị ra, nghĩa là hướng di chuyển của dữ liệu là từ máy tính sang máy in mà không theo chiều ngược lại. Không có cách nào để đưa vius vào máy in mà không qua máy tính. Mọi hoạt động của máy in đều do máy tính điều khiển. Vius từ máy tính gây ra lỗi của máy in. Khi tắt máy in, bộ nhở của nó sẽ bị xoá hết, không cần phải diệu virus. Vì vậy, em cần diệt virus ở máy tính vì máy in không có virus.  Câu 3. Gợi ý: Mỗi nội dung cụ thể trong nội quy phòng máy là một quy tắc giúp các bạn sử dụng phòng máy tính an toàn và có trách nhiệm. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| Đánh giá thường xuyên | Phương pháp hỏi – đáp  Phương pháp quan sát | Câu hỏi  Bài tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

Phiếu học tập số 1

|  |
| --- |
| Câu 1. Các thiết bị trong hình làm việc với dạng thông tin nào?  ……………………………………………………………….  ……………………………………………………………….  Câu 2. Thiết bị nào tiếp nhận thông tin và chuyển vào máy tính?  ……………………………………………………………….  Câu 3. Thiết bị nào nhận thông tin từ máy tính đưa ra bên ngoài?  ……………………………………………………………….. |

Phiếu học tập số 2

|  |
| --- |
| Câu 1. Mỗi thiết bị vào – ra trong hình trên làm việc với dạng thông tin nào? Thiết bị nào có cả hai chức năng vào và ra?  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  Câu 2. Máy chiếu là thiết bị vào hay thiết bị ra? Máy chiếu làm việc với dạng thông tin nào?  ……………………………………………………………………………….…….  Câu 3. Bộ điều khiển game là thiết bị vào hay ra?  ………………………………………………………………..  Câu 4. Màn hình cảm ứng là thiết bị vào, thiết bị ra hay có cả hai chức năng vào và ra?  ……………………………………………………………….  ………………………………………………………………. |

Phiếu học tập số 3

|  |
| --- |
| Câu 1. Em hãy lắp các thiết bị sau vào đúng cổng của nó    a) Bàn phím:…….. b) Dây mạng:………  c) Chuột:….. d) Dây màn hình:……..  e) Tai nghe:……... f) Dây nguồn:……...  Câu 2. Việc cấp nguồn điện cho máy tính cần được thực hiện trước hay sau các kết nối trên? Vì sao?  ……………………………………………………………………………….……. |

Phiếu học tập số 4

|  |
| --- |
| Câu 1. Trên màn hình theo dõi, em thấy có một người đứng trước camera an ninh. Người đó có biết em đang theo dõi không? Tại sao?  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  Câu 2. Máy in của em in ra những kí hiệu không mong muốn và em biết lỗi này là do virus gây ra. Em cần phải diệt virus ở máy in hay máy tính? Tại sao?  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  Câu 3. Em hãy đề xuất một số quy tắc để giúp các bạn sử dụng phòng máy tính an toàn.  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….…….  ……………………………………………………………………………….……. |

Ngày soạn: 09/9/2022 Ngày dạy: 12/9/2022

**Tiết 2**

**BÀI 2. PHẦN MỀM MÁY TÍNH**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Sau bài học này em sẽ:

* Nhận thức được vai trò của phần mềm trong hoạt động của máy tính.
* Phân chia phần mềm thành hai loại: hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng,..
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.

**2.2. Năng lực Tin học**

* Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.
* Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. Giải thích được phần mở rộng của tên tệp cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh hoạ.

**3. Về phẩm chất:**

* Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học.
* Nhận ra được trong một tổ chức, các thành viên có vai trò, vị trí khác nhau để thực hiện mục tiêu chung. Từ đó tự giác, củng cố ý thức tổ chức kỉ luật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập
* Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 7

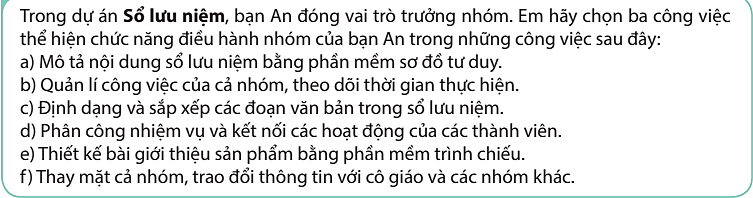
**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1. Khởi động (10p)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh định hướng được bài học:

* Nếu không có chương trình máy tính (phần mềm), thành phần thiết bị chỉ là khối vật chất không phản hồi.
* Xác định hai loại phần mềm để tìm hiểu trong hai mục của bài học: hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.
* Học sinh phân biệt được hoạt động có tính chất điều hành và những hoạt động khác. Qua đó có thể liên hệ với đặc điểm của hệ điều hành.

b) Nội dung: Học sinh đọc đoạn văn bản trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:



c) Sản phẩm: câu trả lời của các nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * Chia nhóm HS. * Phát phiếu học tập. * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. * HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | Đáp án: b, d, f*.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

1. **Hệ điều hành(20p)**

a) Mục tiêu: Học sinh phân biệt được hệ điều hành với các phần mềm khác. Chỉ ra được các chức năng cơ bản của hệ điều hành. HS được củng cố kiến thức về hệ điều hành

b) Nội dung:Nêu vai trò, chức năng của hệ điều hành.

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ1:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động trước lớp. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK và rút ra kết luận về vai trò, các chức năng chính của hệ điều hành * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ2:* GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **1.Hệ điều hành**  - Hệ điều hành là phần mềm hệ thống quản lí và điều khiển hoạt động chung của máy tính, quản lí dữ liệu, cung cấp cho con người moi trường tương tác với máy tính và chạy các phần mềm ứng dụng.  - Có những hệ điều hành dành cho máy tính như Windows, Mac OS, Linux,… và những hệ điều hành cho điện thoại thông minh và máy tính bảng như IOS, Android,…  Đáp án: 1 – B 2 – B |

1. **Phần mềm ứng dụng**

**HĐ 2.1.** Loại tệp và phần mở rộng (10p)

a) Mục tiêu: HS phân loại được một số tệp dữ liệu theo phần mở rộng của chúng.

b) Nội dung: Phiếu học tập số 1

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Đáp án: 1 – f; 2 – c; 3 – a; 4 – b; 5 – e; 6 – d.

**. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập 1. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **2. Phần mềm ứng dụng**  Đáp án:Phiếu học tập 1. 1 – f; 2 – c; 3 – a; 4 – b; 5 – e; 6 – d. |

**HĐ 2.2.** Hoạt động đọc (15p)

a) Mục tiêu: Học sinh xác định được kiến thức về phần mềm được truyền tải trong đoạn văn. HS phân biệt được hai loại phần mềm: Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.

b) Nội dung:Tìm những kiến thức về phần mềm được truyền tải trong đoạn văn. Đoạn văn bản SGK – Trang 12

c) Sản phẩm: Đáp án:

- Phần cứng và hệ điều hành là điều kiện cần để máy tính hoạt động nhưng tính hữu ích của nó trong nhiều lĩnh vực lại được thể hiện qua phần mềm ứng dụng.

- Có những phần mềm được chạy trực tuyến từ Internet nhưng cũng có những phần mềm phải cài đặt lên đĩa cứng mới hoạt động được.

- Mỗi phần mềm ứng dụng hỗ trợ tạo và xử lí một số loại dữ liệu nhất định, với định dạng tệp riêng.

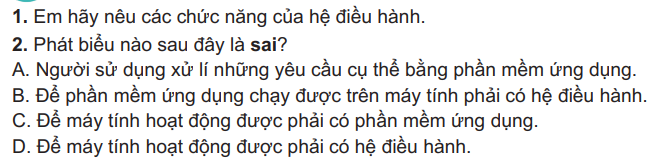
d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK và rút ra câu trả lời. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ 2:* GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  - HS đọc đoạn văn bản và bảng 2.1 (SGK – Trang 12) từ đó phân biệt vai trò khác nhau của hệ điều hành và phần mềm ứng dụng với sự vận hành của máy tính | **2. Phần mềm ứng dụng**  - Phần mềm ứng dụng là các chương trình máy tính cho phép người sử dụng thực hiện những công việc cụ thể và thường xử lí những loại dữ liệu cụ thể.  - Loại tệp được nhận biết nhờ phần mở rộng, gồm những kí tự sau dấu chấm cuối cùng trong tên tệp. Loại tệp cũng cho biết phần mềm ứng dụng nào có thể được dùng với nó  Đáp án  Câu 1: B, D, E  Câu 2: A, C, D |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5p)**

a) Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng để trả lời câu hỏi

b) Nội dung:



c) Sản phẩm: bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi . Câu 1,2 phần luyện tập * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | Câu 1: Hệ điều hành có 3 chức năng cơ bản:   * Quản lí và điều khiển hoạt động chung của máy tính. * Quản lí dữ liệu. * Cung cấp cho con người môi trường tương tác với máy tính và chạy các phần mềm ứng dụng.   Câu 2: C |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng để trả lời câu hỏi

b) Nội dung: Khi tải Scratch để cài đặt lên máy tính, tại sao cần chọn phiên bản phù hợp với hệ điều hành trên máy tính của em?

c) Sản phẩm:Câu trả lời HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi   ?Khi tải Scratch để cài đặt lên máy tính, tại sao cần chọn phiên bản phù hợp với hệ điều hành trên máy tính của em?   * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **Trả lời**  Khi cài đặt phần mềm ứng dụng lên máy tính, cần phải chọn phiên bản phù hợp với hệ điều hành. Nếu lựa chọn không đúng, phần mềm cài đặt sẽ không chạy được vì nó phụ thuộc vào hệ điều hành |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| Đánh giá thường xuyên | Phương pháp hỏi đáp | - Bài tập  - Phiếu học tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Em hãy ghép mỗi loại tệp ở cột bên trái với một phần mở rộng tệp phù hợp ở cột bên phải:   |  |  | | --- | --- | | Loại tệp | Phần mở rộng | | 1. Tài liệu word | 1. jpg, png, bmp | | 1. Chương trình Scratch | 1. exe, com, bat, msi | | 1. Hình ảnh | 1. sb, sb2, sb3 | | 1. Ứng dụng | 1. ppt, pptx | | 1. Trang web | 1. htm, html | | 1. Bài trình bày Power point | 1. doc, docx | |

***Ngày soạn: 20/9/2022 Ngày dạy: 2022***

**Tiết 3, 4**

**BÀI 3: QUẢN LÍ DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH**

1. **Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

* Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính.
* Nêu được ví dụ về biện pháp an toàn dữ liệu như sao lưu dữ liệu, phòng chống xâm nhập trái phép và phòng chống virus,…

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về tệp, thư mục, quản lí dữ liệu
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra cách tổ chức, quản lí dữ liệu trong máy tính.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh chỉ ra được các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong máy tính.

**2.2. Năng lực Tin học**

* Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xoá tệp và thư mục (Nla).

**3. Phẩm chất:**

* Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học.
* Có ý thức trong việc bảo vệ an toàn dữ liệu trong máy tính cũng như an toàn thông tin cá nhân.

1. **Thiết bị dạy học và học liệu**

* Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập
* Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 7

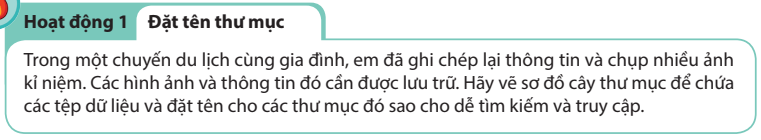
1. **Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1. Khởi động (10p)**

a) Mục tiêu:

* Củng cố khái niệm cây thư mục.
* Rèn luyện kĩ năng phân loại dữ liệu, đặt tên thư mục.

b) Nội dung:



c) Sản phẩm: Cây thư mục của học sinh

d) Tổ chứcthực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Chia nhóm HS. * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. * HS thảo luận và vẽ cây thư mục ra giấy (Khuyến khích sử dụng sơ đồ tư duy) * *Báo cáo, thảo luận* * HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định*   GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | **-** Cây thư mục của học sinh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)**

1. **Tên tệp và thư mục trong máy tính(15p)**

a) Mục tiêu: Học sinh nhận thấy được sự cần thiết phải phân loại dữ liệu, một số lưu ý khi đặt tên thư mục. + Biết ý nghĩa của tệp và thư mục

b) Nội dung:Đọc đoạn văn bản trong SGK – 13

c) Sản phẩm: Nội dung đoạn văn gồm 3 ý chính:

* Sự cần thiết phải phân loại dữ liệu và tổ chức chúng theo cấu trúc để dễ tìm kiếm.
* Một số lưu ý khi đặt tên tệp và thư mục giúp gợi nhớ và phục vụ mục tiêu tìm kiếm.
* Tệp chương trình máy tính cũng được lưu trữ trong bộ nhớ giống như tệp dữ liệu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích, yêu cầu của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc đoạn văn bản (SGK – Trang 13) từ đó nêu được nội dung cơ bản đoạn văn bản truyền tải. * *Báo cáo:* Trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi   1. Để việc tìm kiếm dữ liệu trong máy tính được dễ dàng và nhanh chóng, khi đặt tên thư mục và tệp em nên:  A. Đặt tên theo ý thích như tên người thân hay tên thú cưng  B. Đặt tên sao cho dễ nhớ và để biết trong đó chứa gì  C. Đặt tên giống như trong ví dụ của sách giáo khoa  D. Đặt tên tùy ý, không cần theo quy tắc gì  2. Tệp có phần mở rộng .exe thuộc loại tệp gì?  A. Không có loại tệp này.  B. Tệp chương trình máy tính  C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word  D. Tệp dữ liệu video   * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | **1. TÊN TỆP VÀ THƯ MỤC TRONG MÁY TÍNH**    **Ghi nhớ:**  -Tên tệp và thư mục cần được đặt sao cho dễ nhớ, cho ta biết trong đó chứa những gì. Điều đó sẽ giúp cho công việc thuận lợi hơn.  - Chương trình máy tính được lưu trữ trên thiết bị nhớ giống như một tệp dữ liệu. Tệp chương trình máy tính trong hệ điều hành Windows thường có phần mở rộng .exe, .com, .bat, .msi  Đáp án: 1 – B 2 – B |

1. **Các biện pháp bảo vệ dữ liệu(25p)**

**HĐ 2.1.** Bảo vệ dữ liệu (10p)

a) Mục tiêu:

* Học sinh nhận thấy sự cần thiết phải bảo vệ dữ liệu.
* Đề xuất giải pháp bảo vệ dữ liệu.
* Học sinh biết được các biện pháp để bảo vệ dữ liệu trong máy tính

b) Nội dung: Phiếu học tập số 1

Tìm những kiến thức được truyền tải trong đoạn văn.

c) Sản phẩm:Câu trả lời trên phiếu của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập. * *Thực hiện nhiệm vụ1:* * HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * Mỗi nhóm nêu ít nhất một phương án bảo vệ dữ liệu. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, giải thích cho phương án đã đề xuất. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * *Chuyển giao nhiệm vụ2 :*GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK và rút ra câu trả lời. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ 3:* GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **2. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ DỮ LIỆU**  ***a) Sao lưu dữ liệu***  ***b) Tài khoản người sử dụng và mật khẩu***  ***c) Phần mềm chống virus***   * Việc bảo vệ dữ liệu là cần thiết. Bảo vệ tránh sự thất lạc, tránh xâm nhập và tránh bị nhiễm virus máy tính. * Nên kết hợp các giải pháp bảo vệ dữ liệu: Sao lưu, đặt mật khẩu và chống virus.   *Ghi nhớ:*  *+ Dữ liệu cần được sao lưu thường xuyên lên thiết bị lưu trữ ngoài máy tính chứa dữ liệu gốc để tránh bị mất hoặc bị hỏng dữ liệu.*  *+ Việc đặt mật khẩu cho tài khoản người sử dụng trên máy tính và trên Internet sẽ giúp bảo vệ dữ liệu khỏi sự truy cập trái phép.*  *+ Cần bảo vệ dữ liệu bằng cách không sử dụng phần mềm không rõ nguồn gốc và luôn bật chế độ bảo vệ máy tính của phần mềm diệt virus.*  Đáp án  Câu 1: D  Câu 2: B, C |

1. **Thực hành: Quản lí dữ liệu trong máy tính (30p)**

a) Mục tiêu: Nắm được cách quản lí dữ liệu trong máy tính

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

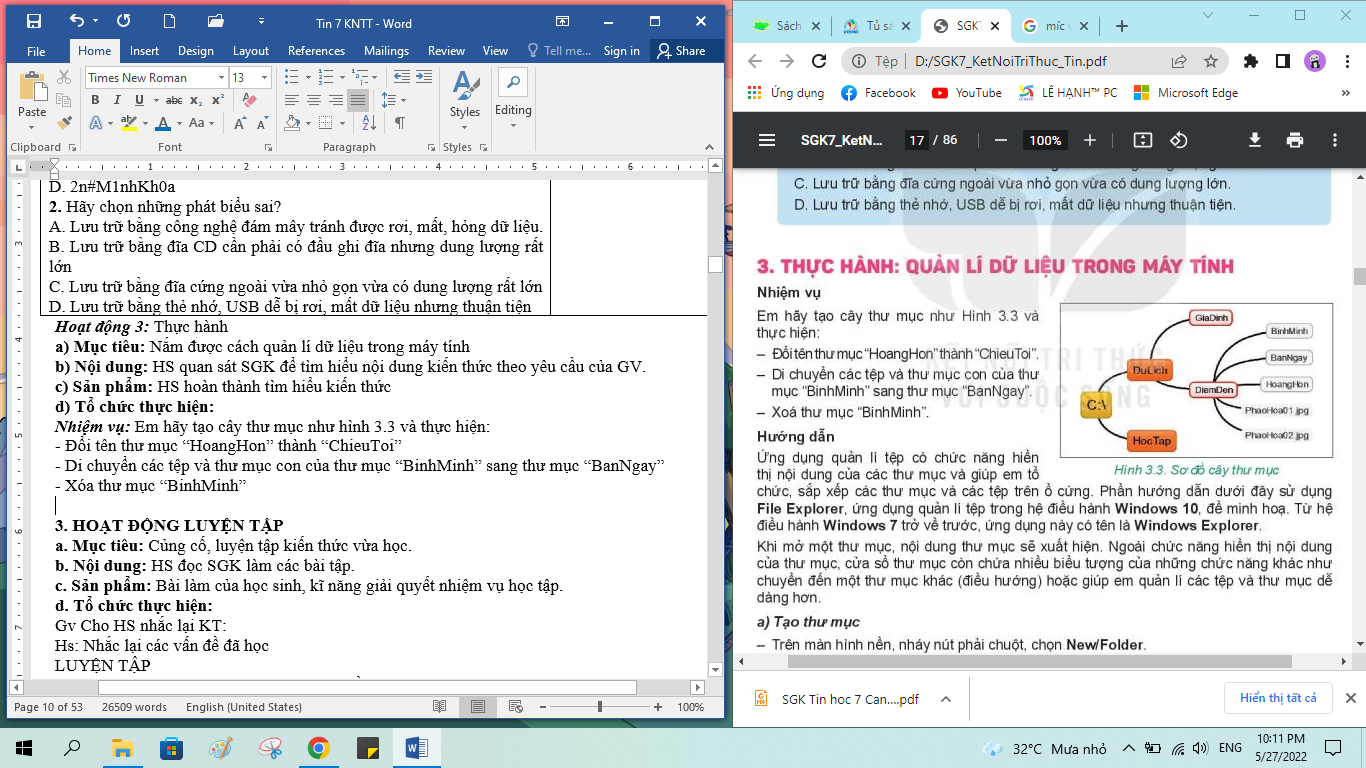
d) Tổ chức thực hiện**:**

***Nhiệm vụ:*** Em hãy tạo cây thư mục như hình 3.3 và thực hiện:

- Đổi tên thư mục “HoangHon” thành “ChieuToi”

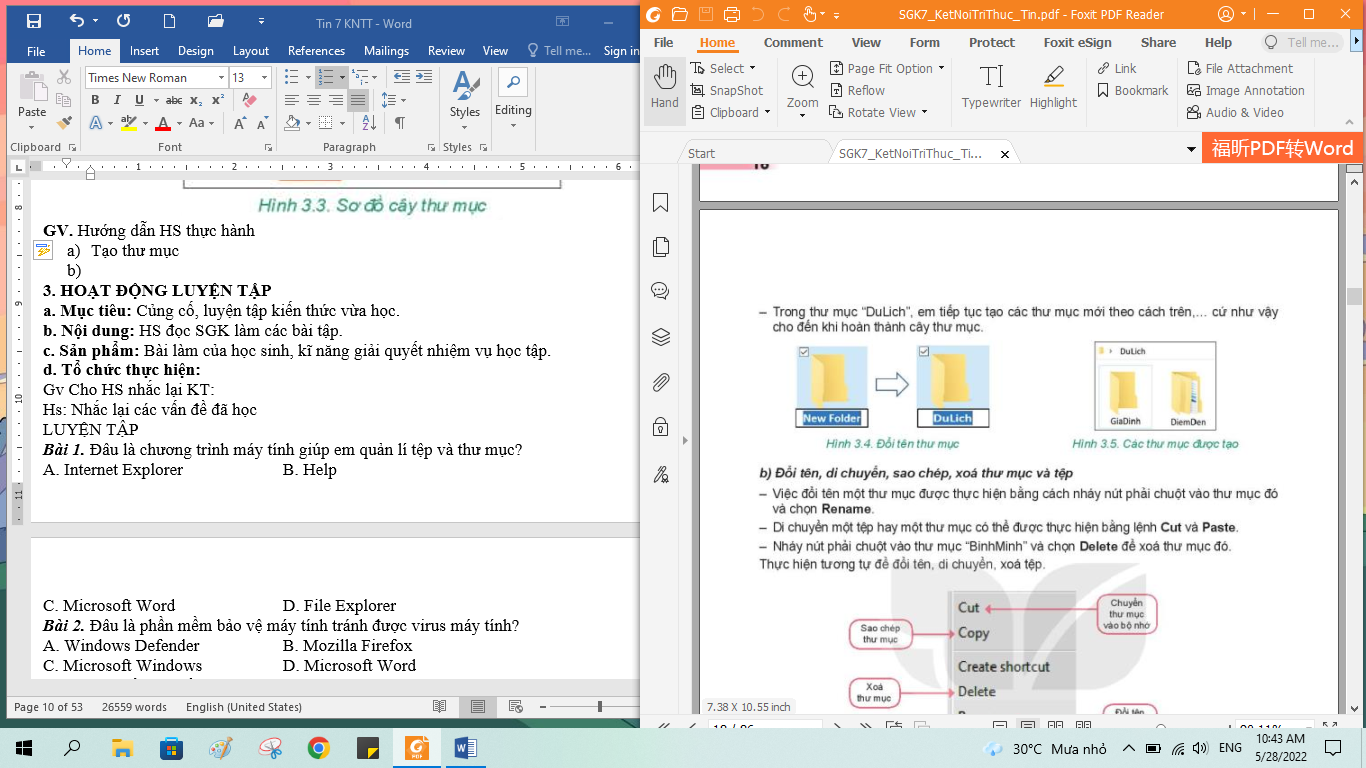
- Di chuyển các tệp và thư mục con của thư mục “BinhMinh” sang thư mục “BanNgay”

- Xóa thư mục “BinhMinh”

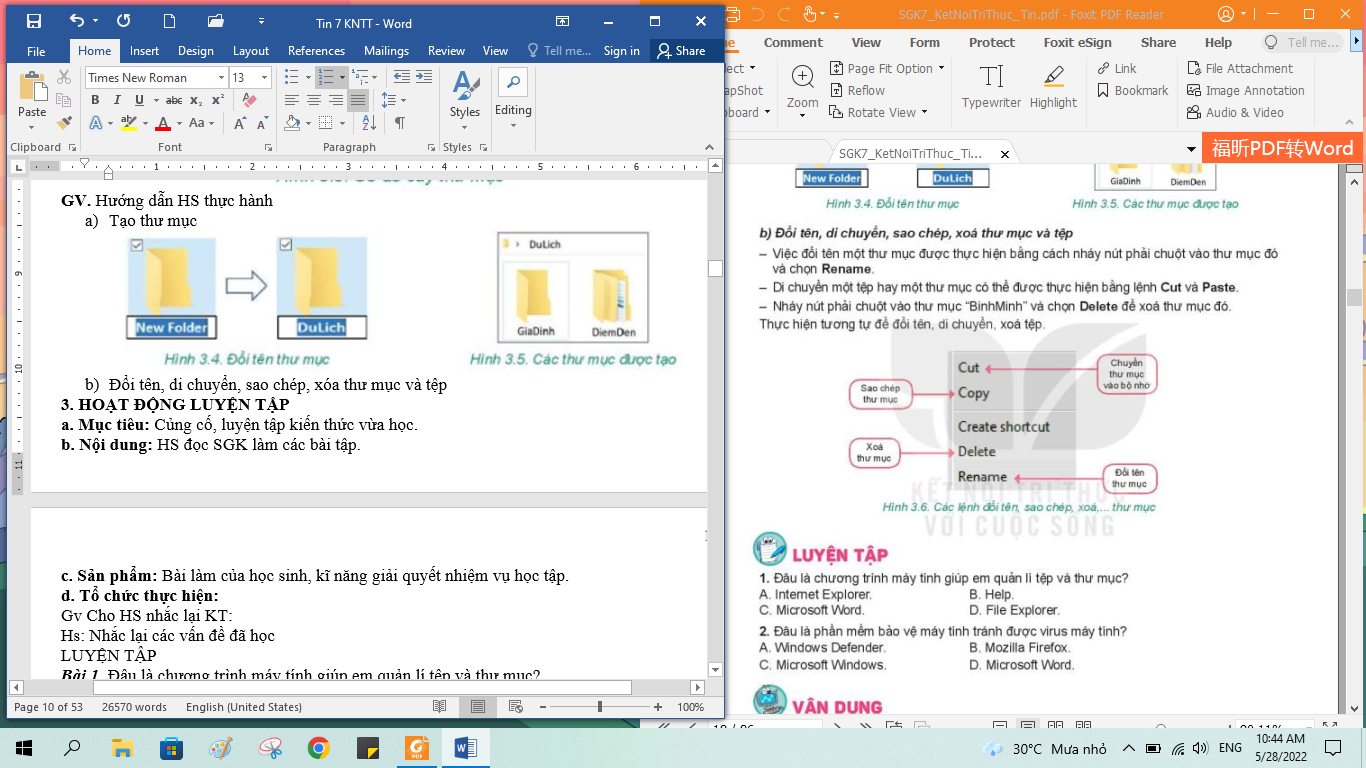


**GV.** Hướng dẫn HS thực hành

1. Tạo thư mục



1. Đổi tên, di chuyển, sao chép, xóa thư mục và tệp

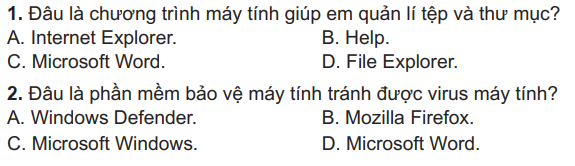


**Hướng dẫn học sinh tự học:**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5 phút)**

a) Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về quản lí dữ liệu trong máy tính để trả lời câu hỏi.

b) Nội dung:



c) Sản phẩm: Đáp án

Câu 1: D Câu 2: A

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức4, Một GB xấp xỉ bao nhiêu byte?  5,Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ là?  6,Tập truyện tranh quen thuộc với nhiều bạn nhỏ “Đô - rê - mon” cho em thông tin gì? | Đáp án  Câu 1: D Câu 2: A |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(10p)**

a) Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về quản lí dữ liệu trong máy tính để trả lời câu hỏi.

b) Nội dung: Phiếu học tập số 1

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm..

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Chia nhóm HS. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và trả lời vào phiếu bài tập. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. |  |

* 1. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ**

1. Em hãy lựa chọn một thiết bị lưu trữ để sao lưu thư mục: “DuLich”. Giải thích tại sao em lựa chọn cách sao lưu đó.

2. Sau khi học xong bài này và có thêm các kiến thức về sao lưu, bảo vệ dữ liệu, em có thay đổi cách bảo vệ dữ liệu mà em đã chọn trong hoạt động 2 không? Tại sao?

**CHỦ ĐỀ 2.**

**TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**Tiết 5, 6**

**BÀI 4. MẠNG XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ KÊNH**

**TRAO ĐỔI THÔNG TIN TRÊN INTERNET**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**

HS được học sử dụng một số kênh trao đổi thông tin trên Internet, chú trọng hơn đến mạng xã hội.

1. **Năng lực:**

***2.1. Năng lực chung***

* Năng lực tự chủ, tự học: tự học, tự tìm hiểu một số chức năng của phần mềm ứng dụng. Tự chủ trong việc sử dụng mạng xã hội.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: hình thành năng lực giao tiếp xã hội ngay cả trên không gian mạng một cách an toàn và có trách nhiệm.

***2.2. Năng lực Tin học***

* Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.
* Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.
* Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó.
* Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

1. **Phẩm chất:**

* Rèn luyện tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và xã hội trong việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số, cụ thể là mạng xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 7

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5’)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần giải quyết: mạng xã hội.

b) Nội dung: Học sinh đọc đoạn văn bản trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi: em biết những được điều gì sau khi đọc xong đoạn văn bản đó.

c) Sản phẩm: Họcsinh trả lời về thông tin trong đoạn văn bản*.*

d) Tổ chứcthực hiện: Chiếu đoạn văn bản, hoặc yêu cầu học sinh đọc trong Sách giáo khoa.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60’)**

1. **Mạng xã hội – Kênh trao đổi thông tin phổ biến trên Internet (35p)**

**HĐ 2.1.** Cách thức trao đổi thông tin trên Internet (15p)

a) Mục tiêu: Nhận dạng một số kênh trao đổi thông tin trên Internet

b) Nội dung:Phiếu học tập số 1

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * Chia nhóm HS. * Phát phiếu học tập 1. * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo * HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm * *Báo cáo, thảo luận* * HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định* * GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức * Yêu cầu học sinh ghi vào vở | | **1. MẠNG XÃ HỘI – KÊNH TRAO ĐỔI THÔNG TIN PHỔ BIẾN TRÊN INTERNET**  **a) Các kênh trao đổi thông tin trên Internet**  Thư điện tử, diễn đàn (Forum), mạng xã hội, …  **b) Mạng xã hội**  - Mạng xã hội là một cộng đồng trực tuyến để mọi người có thể tương tác với nhau.  - Cách tổ chức mạng xã hội phổ biến nhất để người sử dụng tham gia là dưới dạng các website.   * ***KẾT LUẬN:*** Thư điện tử, diễn đàn, mạng xã hội,… là những kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet. * Tham gia mạng xã hội là tham gia một cộng đồng trực tuyến, nơi mọi người tương tác với nhau theo nhiều cách. * Mạng xã hội thường được tổ chức dưới dạn các website. Mỗi mạng xã hội thường có mục đích nhất định như: thảo luận, chia sẻ ảnh, video,… |

**HĐ 1.2.** Điểm tích cực và tiêu cực của mạng xã hội. (20p)

a) Mục tiêu: HS nêu được các điểm tích cực và tiêu cực khi sử dụng mạng xã hội.

b) Nội dung:Phiếu học tập số 2.

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ 1:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * Chia nhóm HS. * Phát phiếu học tập 2. * *Thực hiện nhiệm vụ:*   + HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo.  + HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.   * *Báo cáo, thảo luận*   +HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.   * *Kết luận, nhận định*   GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.  Yêu cầu học sinh ghi vào vở   * *Chuyển giao nhiệm vụ 2 :*GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | \* Điểm tích cực và tiêu cực của mạng xã hội  - Mạng xã hội giúp người sử dụng kết nối, giao lưu, chia sẻ và thảo luận các vấn đề mà họ quan tâm.  - Cần tuân thủ đúng các quy định khi sử dụng mạng xã hội và các kênh trao đổi thông tin trên Internet.  Sản phẩm: 1 – C 2 – A |

* 1. **Thực hành: Sử dụng mạng xã hội (30p)**

a) Mục tiêu: HS tạo được 1 tài khoản mạng xã hội, trao đổi thông tin trên mạng xã hội.

b) Nội dung:Tạo một mạng xã hội (Facebook).

c) Sản phẩm:Tài khoản trên mạng xã hội.

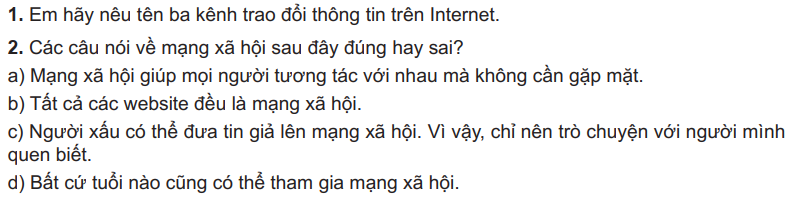
d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.   GV hướng dẫn HS tạo tài khoản, trao đổi thông tin trên mạng xã hội (có thể là Facebook)   * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS tạo tài khoản, trao đổi thông tin theo sự hướng dẫ của giáo viên. * HS đã có tài khoản thì tổ chức để hướng dẫn cho HS khác. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá về phần thực hành | **2. THỰC HÀNH: SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI**  **HS làm bài thực hành** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5p)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại kiến thức đã học trong bài.

b) Nội dung:



c) Sản phẩm: Các câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10p)**

a) Mục tiêu: Học sinh nêu được một mạng xã hội phù hợp với bản thân. HS nêu được ví dụ của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái

b) Nội dung: Phiếu học tập số 3

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. |  |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| Đánh giá thường xuyên | Phương pháp học đáp | Bài tập  Phiếu học tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP**

Phiếu học tập số 1

|  |
| --- |
| Câu 1: Ở lớp 6 em đã biết cách sử dụng Internet để nhận và gửi thông tin. Đó là cách nào?  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  Câu 2: Em có biết cách trao đổi thông tin nào trên Internet đang được sử dụng nhiều nhất không? Tại sao? ……………………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………………….. |

Phiếu học tập số 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Tích cực** | **Tiêu cực** |
| ………………………………………..  ………………………………………..  ………………………………………..  ……………………………………….. | ………………………………………..  ………………………………………..  ………………………………………..  ……………………………………….. |

Phiếu học tập số 3:

|  |
| --- |
| Câu 1: Em hãy tìm hiểu kĩ một mạng xã hội mà em quan tâm và giới thiệu với các bạn hay người thân về mạng xã hội đó. (Chức năng chính, đối tượng phù hợp để tham gia, cách thức tham gia, những lưu ý cần thiết khi tham gia,…)  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  Câu 2: Em hãy tìm hiểu thêm những ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………………….. |

***Ngày soạn: 20/10/2022 Ngày dạy: 2022***

**Tiết 7, 8**

**BÀI 5: ỨNG XỬ TRÊN MẠNG**

**I**. **MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

* Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hoá.
* Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
* Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi văn hoá ứng xử qua mạng.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra những tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện Internet.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đưa ra những cách giải quyết hợp lí khi gặp thông tin có nội dung xấu trên mạng.

**2.2. Năng lực Tin học**

* Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
* Nêu được ví dụ truy cập không hợp lí vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.

**3. Về phẩm chất:**

* Có ý thức cảnh giác khi sử dụng mạng máy tính, tránh sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 7

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)**

a) Mục tiêu: Nêu ra những vấn đề cần lưu ý khi giao tiếp xã hội nói chung và giao tiếp trên mạng nói chung.

b) Nội dung: Học sinh đọc đoạn văn bản trong SGK.

c) Sản phẩm: Họcsinh trả lời về thông tin trong đoạn văn bản*.*

d) Tổ chứcthực hiện: Chiếu đoạn văn bản, hoặc yêu cầu học sinh đọc trong Sách giáo khoa.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (75p)**

1. **Giao tiếp, ứng xử có văn hoá qua mạng (25p)**

a) Mục tiêu: Học sinh nhận ra những hình thức giao tiếp qua mạng và đặc điểm của nó.

Học sinh hình thành ý thức đánh giá những hoạt động trên không gian mạng dựa trên tiêu chuẩn về văn hoá ứng xử. Học sinh biết cách ứng xử hợp lí khi tham gia giao tiếp qua mạng.

b) Nội dung:Phiếu học tập số 1,2.

c) Sản phẩm:Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ 1:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. * Chia nhóm HS. * Phát phiếu học tập 1.   1. Em biết những phương thức giao tiếp qua mạng nào? Em đã từng sử dụng những phương thức nào?  2. Theo em những đặc điểm khác nhau giữa giao tiếp ặp gỡ trực tiếp và giao tiếp qua mạng là gì?  3. Tại sao có những bạn khi giao tiếp qua mạng lại thiếu văn minh hơn so với khi giao tiếp trực tiếp?   * *Thực hiện nhiệm vụ:* * HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo * HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * *Chuyển giao nhiệm vụ 2:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.      * *Thực hiện nhiệm vụ:* Học sinh hoạt động cá nhân. * *Thảo luận:* Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình và lí do nhận định hoạt động đó là nên hay không nên với cả lớp.   *Trả lời: Nên: a, c, d, f , i.*  *Không nên: b, e, g, h, j*   * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * *Chuyển giao nhiệm vụ 3:* GV đặt câu hỏi      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **1. GIAO TIẾP ỨNG XỬ CÓ VĂN HÓA QUA MẠNG**  - Để trở thành người giao tiếp lịch sự, ứng xử có văn hóa qua mạng, mỗi người cần xác định cho mình những điều nên và không nên  **Ghi nhớ:**  - Luôn sử dụng ngôn ngữ lịch sự và ứng xử có văn hóa khi tham gia giao tiếp qua mạng  Đáp án: 1 – C  2 – Đáp án tuỳ thuộc từng học sinh.  Gợi ý:  + Quan tâm, chia sẽ, thông cảm với người khác, tỏ thái độ cảm xúc phù hợp  + Lời nhận xét bình luận phải khách quan, tế nhị, không nói xấu, hạ thấp danh dự, nhân phẩm của người khác  + Suy nghĩ thật kĩ lưỡng, lựa chọn , kiểm chứng thông tin chính xác trước hki đăng lên mạng xã hội |

1. **Làm gì khi gặp thông tin có nội dung xấu trên mạng? (20p)**

a) Mục tiêu: Học sinh đưa ra được cách giải quyết với những tình huống gặp thông tin xấu khi đang truy cập mạng. Học sinh biết được cách xử lí đúng đắn khi gặp thông tin không phù hợp trên mạng. Học sinh biết cách ứng xử hợp lí khi gặp các thông tin có nội dung xấu trên mạng.

b) Nội dung:-Khi em đang truy cập mạng, máy tính thỉnh thoảng lại hiện lên những trang web có nội dung bạo lực, nội dung không phù hợp với lứa tuổi của em, em sẽ làm gì?;

- SGK – trang 24.

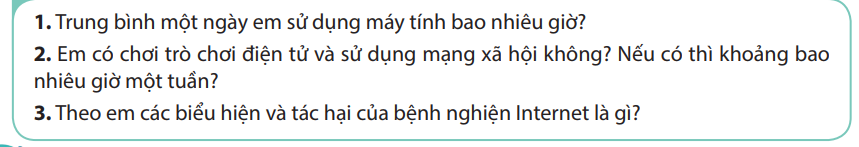
c) Sản phẩm:Câu trả lời của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * ***Chuyển giao nhiệm vụ1*** *:*GV nêu mục đích yêu cầu của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* Học sinh hoạt động cá nhân sau đó chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức   * ***Chuyển giao nhiệm vụ 2:***GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK, kết hợp với nội dung HĐ 2.1 để đưa ra định hướng đúng đắn khi gặp thông tin không tin không phù hợp trên mạng.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * ***Chuyển giao nhiệm vụ 3****:* GV đặt câu hỏi.      * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | **2. LÀM GÌ KHI GẶP THÔNG TIN CÓ NỘI DUNG XẤU TRÊN MẠNG**  - Sử dụng phần mềm chặn truy cập trang web xấu  - Tự xây dựng ý thức tốt cho bản thân khi sử dụng  Ghi nhớ:  - Chỉ truy cập vào các trang web có thông tin phù hợp với lứa tuổi.  - Nhờ người lớn cài phần mềm chặn truy cập các trang web xấu.  - Hỏi ý kiến người lớn trong trường hợp cần thiết khi truy cập mạng.  - Đóng ngay các trang thông tin có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi nếu vô tình truy cập vào.  Đáp án: 1 – B, C |

**3. Tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện Internet (35p)**

a) Mục tiêu: - Học sinh tự đánh giá mức độ sử dụng Internet của mình từ đó hình thành ý thức tự kiểm soát việc sử dụng Internet sao cho hiệu quả. - Học sinh biết nhận thấy được việc lạm dụng các thiết bị điện tử có thể gây ra những tác hại đối với hệ thần kinh, ảnh hưởng lâu dài tới đời sống tinh thần của mỗi người. - Học sinh chỉ ra được các biểu hiện mình đã gặp phải khi sử dụng mạng máy tính từ đó đưa ra biện pháp phòng tránh bệnh nghiện Internet. - Học sinh đưa ra hành đông cụ thể để phòng tránh bệnh Internet.

b) Nội dung:



- Học sinh đọc SGK – trang 25, 26, sau đó chỉ ra những tác hại của việc lạm dụng thiết bị điện tử đối với con người (khuyến khích học sinh nêu thêm ví dụ cụ thể ngoài ví dụ trong SGK).

- Phiếu học tập số 2.

c) Sản phẩm:Câu trả lời của học sinh.

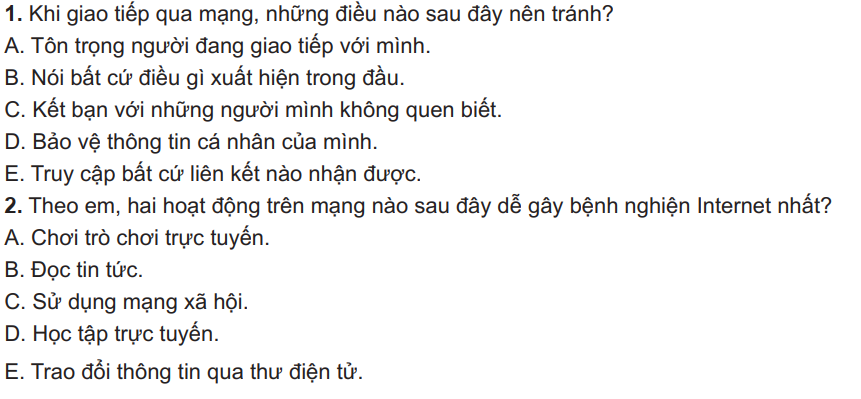
d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * ***Chuyển giao nhiệm vụ 1****:* GV nêu mục đích yêu cầu của hoạt động 4. * *Thực hiện nhiệm vụ:* Học sinh hoạt động cá nhân sau đó chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. * ***Chuyển giao nhiệm vụ2****:* GV nêu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc nội dung trong SGK trang 25, 26 và chia sẻ ý kiến của mình với cả lớp.   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức   * ***Chuyển giao nhiệm vụ 3****:* GV đặt câu hỏi.      * *Thực hiện nhiệm vụ:* Học sinh hoạt động cá nhân sau đó chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. * ***Chuyển giao nhiệm vụ 4****:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập 2. * *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm. * *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **3. TÁC HẠI VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH BỆNH NGHIỆN INTERNET**  - Một số tác hại ảnh hưởng tới nười nghiện Internet là:  + Thiếu giao tiếp với thế giới xung quanh  + Dễ bị dẫn dắt tới trang thông tin xấu  + Dễ bị nghiện trò chơi trực tuyến  + Khó tập trung vào công việc, học tập  + Tăng nguy cơ tham gia vào các vụ bắt nạt trên mạng  ***Ghi nhớ:***  *1. Nghiện Internet gây ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ thể chất, tinh thần, kết quả học tập và khả năng giao tiếp với mọi người xung quanh*  *2.* Dành thời gian với người thân và bạn bè, hạn chế để thiết bị kết nối Internet trong phòng riêng, giới hạn thời gian sử dụng, theo đuổi những sở thích không liên quan quá nhiều đến thiết bị điện tử là những cách thức tốt để phòng tránh nguy cơ nghiện Internet. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5p)**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại kiến thức đã học trong bài.

b) Nội dung:



c) Sản phẩm:

1. B, C, E

2. Tuỳ theo ý kiến của từng học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV đặt câu hỏi * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời cá nhân   *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức | 1. B, C, E |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (3p)**

a) Mục tiêu: Học sinh nêu được các cách ứng xử trên mạng phù hợp, có cách giải quyết hợp lí khi gặp tình huống gặp những thông tin xấu trên mạng.

b) Nội dung: Em hãy cùng một nhóm bạn của mình tạo ra một sản phẩm (áp phích, đoạn kịch ngắn, sơ đồ tư duy, bài trình chiếu,…) về chủ đề: “Ứng xử trên mạng” để trình bày với các bạn trong lớp.

c) Sản phẩm:Sản phẩm hoạt động của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. Chia nhóm, giao nhiệm vụ về nhà. * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và thống nhất nội dung, hình thức sản phẩm của nhóm mình. |  |

**V. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên | - PP hỏi – đáp | - Câu hỏi  - Bài tập  - Phiếu học tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP**

***Phiếu học tập số 1***

|  |
| --- |
| Câu 1: Em biết những phương thức giao tiếp qua mạng nào? Em đã từng sử dụng những phương thức nào?  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  Câu 2: Theo em những đặc điểm khác nhau giữa giao tiếp gặp gỡ trực tiếp và giao tiếp qua mạng là gì? ……………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………..  Câu 3: Tại sao có những bạn khi giao tiếp qua mạng lại thiếu văn minh hơn khi giao tiếp trực tiếp? ……………………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………………….. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

***Phiếu học tập số 2***

|  |
| --- |
| Người bị bệnh Internet có thể được ví dụng như một cái cây có nguy cơ úa tàn. Em hãy cùng các bạn trong nhóm của mình vẽ một cây tương tự nhưng hình bên lên một tờ giấy to để tạo một tấm áp phích bằng cách vẽ thêm lá, hoa cho cây và ghi trên đó những điều nên là để phòng tránh bệnh nghiện Internet, giúp cây xanh tươi trở lại. |
|  |

***Ngày soạn: 25/10/2022 Ngày dạy: 2022***

***TIẾT 9***

**KHUNGMATRẬNĐỀKIỂMTRAGIỮAKỲI**

**MÔNTINHỌC7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| 1 | Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng | Thiết bị vào ra | 3 |  | 1 |  |  |  |  |  | 10%  1.0 điểm |
| Phần mềm máy tính | 4 |  | 4 |  |  |  |  |  | 20%  2.0 điểm |
| Quản lí dữ liệu trong máy tính | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  | 15%  1.5 điểm |
|  | Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin | Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet | 3 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 30%  3.0 điểm |
| 3 | Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số | Ứng xử trên mạng | 3 |  | 3 |  |  | 1 |  |  | 25 %  2.5 điểm |
| ***Tổng*** | | | 16 |  | 12 |  |  | 2 |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | 40% | | 30% | | 30% | |  | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | 30% | | | | 100% |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**MÔN: TIN HỌC - LỚP: 7**

| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng** | 1. Sơ lược về các thành phần của máy tính | **Nhận biết**  – Biết và nhận ra được các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính (**Câu 1,2)**  **Thông hiểu**  Hiểu được vai trò của thiết bị vào ra(Câu 3,4) | **3(TN)** | **1(TN)** |  |  |
| 2. Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | **Nhận biết**  Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính**.**  **-** Nhân biết được hệ điều hành  – Biết được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng  **(Câu 5,6,12,13,14,15,16)**  **Thông hiểu**  – Giải thích được chức năng điều khiển của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.  – Phân biệt được loại tệp thông qua phần mở rộng.  – Thao tác với tệp và thư mục  **(Câu 7,8,9,10,11,17,18,19)** | **7(TN)** | **7(TN)** |  |  |
| **2** | **Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet | **Nhận biết**  – Nhận biết một số website là mạng xã hội  – Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin  **(Câu 21,22,23)**  **Thông hiểu**  – Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái**. (Câu 20)**  **Vận dụng**  – Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin**(Câu 1 TL)** | **3(TN)** | **1(TN)** | **1(TL)** |  |
| **3** | **Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số | **Nhận biết**  – Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet.  – Nêu được cách ứng xử hợp lí khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi.  **(Câu 24,25,27)**  **Thông hiểu**  Hiểu các thông tin xấu trên mạng và cách khắc phục  **(Câu 26,28)**  **Vận dụng**  - Lựa chọn được các biện pháp phòng tránh bệnh nghiện Internet.**(Câu 2 TL)** | **3(TN)** | **3(TN)** | **1 (TL)** |  |
| Tổng | | |  | **16** | **12** | **2** |  |
| Tỉ lệ | | |  | **40%** | **30%** | **30%** |  |
| Tỉ lệ chung | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&PHONG ĐIỀN  TRƯỜNG THCS PHONG HẢI | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  **NĂM HỌC: 2022 – 2023**  MÔN: TIN HỌC 7  (Thời gian làm bài: 45 phút) |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 7,0 điểm)**

***Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:Thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?**

1. Máy quét. C. Máy chụp ảnh
2. Máy in. D. Máy chiếu

**Câu 2:Thiết bị nào xuất dữ liệu âm thanh từ máy tính ra ngoài?**

1. Máy quét. C. Máy in đa năng.
2. Màn hình cảm ứng. D. Loa.

**Câu 3:** Một bộ tai nghe có gắn micro sử dụng cho máy tính là loại thiết bị gì?

A. Thiết bị vào. C. Thiết bị vừa vào vừa ra.

B. Thiết bị ra. D. Không phải thiết bị vào - ra.

**Câu 4:** Vai trò của thiết bị ra là:

A. Để xử lý thông tin. C. Để tiếp nhận thông tin vào.

B. Đưa thông tin ra ngoài**.** D. Thực hiện truyền thông tin giữa các bộ phận.

**Câu 5: Phần mềm nào là hệ điều hành?**

A. Windows Movie Maker B. Windows Defender.

C. Windows Explorer D. Windows Phone

**Câu 6:Phương án nào sau đây là một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng?**

A. iOS, Android, Windows .

B. Gmail, UnikeyNT, Windows Media Player .

C. Linux, Windows 8, Mac OS .

D. Gmail, UnikeyNT, Window.

**Câu 7: Chức năng nào sau đây không phải của hệ điều hành?**

A. Quản lí các tệp dữ liệu trên đĩa.

B. Tạo và chỉnh sửa nội dung một tệp hình ảnh.

C. Điều khiển các thiết bị vào – ra.

D. Quản lí giao diện giữa người sử dụng và máy tính.

**Câu 8: Việc nào sau đây là chức năng của phần mềm ứng dụng?**

A. Tải tệp phông chữ từ Internet xuống thư mục Download của máy tính.

B. Sao chép tệp phông chữ từ thư mục Ï2ownload sang thư mục Fonfs.

C. Xoá tệp phông chữ khỏi thư mục Download của máy tính.

D. Thay đổi phông chữ cho một đoạn văn bản từ Times New Roman sang Arial.

**Câu 9: Việc nào sau đây không thuộc chức năng của hệ điều hành?**

A. Khởi động phần mềm trình chiếu. C. Sao chép tệp trình chiếu đến vị trí khác.

B. Soạn thảo nội dung trình chiếu**.** D. Đoi tên tệp trình chiếu.

**Câu 10: Em hãy chọn phương án đúng nói về quan hệ phụ thuộc giữa hệ điều hành và phân mêm ứng dụng.**

A. Hệ điều hành phụ thuộc vào phần mềm ứng dụng.

B. Phần mềm ứng dụng phụ thuộc vào hệ điều hành.

C. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phụ thuộc nhau theo cả hai chiều.

D. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng độc lập, không phụ thuộc gì nhau.

**Câu 11: Trong các việc dưới đây, việc nào không** **do phần mềm ứng dụng thực hiện?**

1. Hiển thị trang web. C. Gửi email.
2. Phát tệp bài hát. D. Hiển thị nội dung thư mục

**Câu 12: Cấu trúc tên tệp đúng?**

1. <Tên tệp>.<phần mở rộng> C. <tên tệp>@<phần mở rộng>

B.<phần mở rộng>.<tên tệp> D. <tên tệp>:<phần mở rộng>

**Câu 13: Tệp có phần mở rộng .exe thuộc loại tệp gì?**.

A. Tệp chương trình máy tính.

B. Không có loại tệp này

C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word.

D. Tệp dữ liệu video.

**Câu 14: Trên ổ đĩa D:\ của Windows, ta nháy chuột phải tại vùng trống trên ổ đĩa D:\ và chọn New/folder đây là thao tác ...**

1. Xóa thư mục Folder. C. Tạo thư mục mới Folder.
2. Tạo một tệp mới Folder. D. Xóa tệp Folder.

**Câu 15: Tên tệp và thư mục cần đặt như thế nào?**

**A. Dễ nhớ C.** Đặt theo ý thích.

B. Ngắn gọn. D. Đặt theo sách giáo khoa

**Câu 16: Đâu là phần mềm bảo vệ máy tính tránh được virus máy tính?**

A. Windows Defender         C. Microsoft Windows

B. Mozilla Firefox D. Microsoft Word

**Câu 17:**Hãy chọn những phát biểu sai?

A. Lưu trữ bằng công nghệ đám mây tránh được rơi, mất, hỏng dữ liệu.

B. Lưu trữ bằng đĩa CD cần phải có đầu ghi đĩa nhưng dung lượng rất lớn.

C. Lưu trữ bằng đĩa cứng ngoài vừa nhỏ gọn vừa có dung lượng lớn.

D. Lưu trữ bằng thẻ nhớ, USB dễ bị rơi, mất dữ liệu nhưng thuận tiện.

**Câu 18:** **Trong tin học, tệp (tin học) là khái niệm như thế nào?**

A. Một văn bản  C. Một gói tin

B. Một đơn vị lưu trữ thông tin trên bộ nhớ ngoài  D. Một trang web

**Câu 19:** **Việc nào sau đây là không đúng khi quản lí tệp và thư mục trên máy tính?**

A. Đặt tên tệp hợp lí, ngắn gọn gợi nhớ đến nội dung của tệp.

B. Phân loại dữ liệu trước khi lưu trữ.

C. Các tài liệu cùng loại đặt trong một thư mục.

D. Tạo nhiều tệp và thư mục giống nhau trên nhiều ổ đĩa.

**Câu 20: Chức năng của mạng xã hội Facebook ?**

1. Cho phép người dùng gọi điện, nhắn tin.
2. Chia sẻ hình ảnh, nhạc, video.
3. Tạo hồ sơ cá nhân, kết nối bạn bè, chia sẻ ý kiến cá nhân cũng như hình ảnh, âm nhạc, video.
4. Bán hàng trực tuyến.

**Câu 21: Mục đích của mạng xã hội là gì?**

1. Chia sẻ, học tập, tương tác, tiếp thị.  C. Chia sẻ, học tập, tương tác.
2. Chia sẻ, học tập. D. Chia sẻ, học tập, tiếp thị.

**Câu 22**: Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?

A. Giao lưu với bạn bè. C. Bình luận xấu về người khác.

B. Học hỏi kiến thức. D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình.

**Câu 23:** **Mạng xã hội là gì?**

A. Một cộng đồng cùng chung sở thích. C. Một cộng đồng cùng chung mục đích.

B. Một cộng đồng trực tuyến. D. Đáp án khác.

**Câu 24: Những cách ứng xử nào sau đây là hợp lí khi truy cập 1 trang Web có nội dung xấu?**

1. Tiếp tục truy cập trang Web đó.
2. Đóng ngay trang Web đó.
3. Đề nghị bố mẹ, thầy cô hoặc người có trách nhiệm ngăn chặn truy cập trang Web đó.
4. Gửi trang Web đó cho bạn bè xem.

**Câu 25: Những phương án nào là tác hại của bệnh nghiện Internet?**

1. Sức khoẻ thể chất và sức khoẻ tâm thần giảm sút.
2. Dễ bị lôi kéo vào các việc xấu trên mạng.
3. Lãng phí thời gian của bản thân. Khó tập trung vào công việc, học tập.
4. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 26: Em cần làm gì để tránh gặp thông tin xấu trên mạng?**

A. Chỉ truy cập vào các trang thông tin có nội dung phù hợp với lứa tuổi.

B. Không nháy chuột vào các thông tin quảng cáo gây tò mò, giật gân, dụ dỗ kiếm tiền.

C. Xác định rõ mục tiêu mỗi lần vào mạng để không sa đà vào các thông tin không liên quan.

D. Tất cả các điều trên.

**Câu 27: Cách tốt nhất em nên làm khi bị ai đó bắt nạt trên mạng là gì?**

A. Nói lời xúc phạm người đó. C.Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn.

B. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng. D. Đe dọa người bắt nạt mình.

**Câu 28: Khi trò chuyện trên mạng em nên sử dụng webcam khi nào?**

A. Không bao giờ sử dụng webcam

B. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng

C. Khi nói chuyện với bất kì ai

D. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân, **...**

1. **PHẦN TỰ LUẬN ( 3,0 điểm)**

**Câu 1**: Em hãy chỉ ra ít nhất năm ảnh hưởng xấu của mạng xã hội đối với lứa tuổi học sinh và cách khắc phục khi sử dụng?

**Câu 2**: Nếu một trong những người bạn của em có biểu hiện nghiện Games. Em sẽ làm gì để giúp bạn?

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**KIỂM TRA GIỮA KÌI**

**MÔN: TIN HỌC 7**

**I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | A | D | C | B | D | B | B | D | B | D | D | A | A | C |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** | A | A | C | B | D | C | A | C | B | C | D | A | C | D |

**II. Tự luận (3,0 điểm)**

**Câu 1**: (2.0 điểm)

Một số ảnh hưởng xấu của mạng xã hội đối với lứa tuổi học sinh và cách khắc phục khi sử dụng:

- Thông tin sai lệch, thông tin không đáng tin cậy và có nội dung xấu lan truyền trên mạng xã hội khiến mọi người tin và làm theo sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Do đó, khi đọc thông tin trên mạng xã hội cần phải tìm hiểu kĩ nguồn gốc của thông tin.

- Thông tin cá nhân như địa chỉ, số điện thoại được công khai trên mạng xã hội có thể bị kẻ xấu lợi dụng đánh cắp, lừa đảo hoặc gây phiền toái. Vì thế, cần hạn chế việc đưa thông tin cá nhân của mình và bạn bè một cách công khai trên mạng xã hội.

- Một số bạn trẻ bị dụ dỗ, lôi kéo trên mạng xã hội vào những hoạt động xấu như đua xe, chơi game, cá độ,... Do vậy, cần cản thận khi kết bạn trên mạng xã hội, nên kết bạn với những người mình đã biết trong đời thực.

- Một số học sinh bị áp lực từ những bình luận tiêu cực trên mạng xã hội đã dẫn đến lo lắng, sợ hãi, trầm cảm. Do vậy, nên hạn chế giao tiếp với những người không quen biết trên mạng xã hội.

- Giao tiếp quá nhiều trên mạng xã hội sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, kĩ năng xã hội, học tập và làm việc. Chỉ nên dùng mạng xã hội trong trao đổi học tập, giao lưu và giải trí với sự kiểm soát của người lớn.

**Câu 2** (1,0 điểm): Nếu một trong những người bạn của em có biểu hiện nghiện Games em sẽ khuyên bạn nên hạn chế thời gian lên mạng và thay bằng các hoạt động ngoại khóa vào lúc rảnh để giảm thời gian sử dụng Internet. Nếu không được, em có thể nhờ đến thầy cô đưa ra lời khuyên cho bạn.

***Ngày soạn: 25/10/2022 Ngày dạy: 2022***

**CHỦ ĐỀ 4. ỨNG DỤNG TIN HỌC**

**Tiết 10, 11 BÀI 6. LÀM QUEN VỚI PHẦN MỀM BẢNG TÍNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

* Nhận biết được một số khái niệm và chức năng cơ bản của phần mềm máy tính
* Thực hiện được việc nhập và điều chỉnh dữ liệu trên bảng tính (mức đơn giản)
* Thực hiện được một số thao tác đơn giản: thay đổi phông chữ, màu nền, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung***

* Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh.

***2.2. Năng lực Tin học***

* Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa)
* Có ý thức tự bảo vệ sức khỏe trong khai thác và sử dụng ứng dụng ICT. (NLb)
* Hiểu được tầm quan trọng của thông tin: biết lựa chọn thông tin nào là phù hợp và “giá trị” để đưa vào bài trình chiếu. (NLc)
* Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu. (NLd)
* Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe)

***2.3. Các năng lực khác***

* Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm bài trình chiếu.

**3. Về phẩm chất:**

* Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
* Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
* Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1:KHỞI ĐỘNG (5’)**

a) Mục tiêu: Giới thiệu cho HS dự án **Trường học xanh** và dẫn dắt vào phần mềm bảng tính điện tử.

b) Nội dung: Giới thiệu cho HS về dự án và yêu cầu học sinh trả lời gợi ý về dự án để hoàn thiện thông tin của dự án.

c) Sản phẩm: Các thông tin về dự án.

d) Tổ chứcthực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giới thiệu cho HS dự án Trường học xanh, những công việc chuẩn bị sẽ làm và phần mềm ứng dụng sẽ được học để nhập thông tin và trình bày dự án.  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh trả lời các câu hỏi sau:  + Những vị trí nào trong trường có thể trồng thêm cây?  + Loại cây nào phù hợp cho mỗi vị trí?  + Những công việc gì cần được thực hiện?  + Để thực hiện dự án, cần thu thập và tính toán rất nhiều dữ liệu. Nên sử dụng phần mềm nào trên máy tính để thực hiện những công việc đó?  **- Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận và điền thông tin vào bảng dữ liệu  **- Kết luận, nhận định:** GV gọi một số nhóm lên trình bày và tổng hợp các ý kiến của các nhóm, dẫn dắt đến bài học “Làm quen với phần mềm bảng tính” | **Dự kiến thực hiện**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ai thực hiện** | **Vị trí trồng cây** | **Các loại cây sẽ trồng** | **Kinh phí thực hiện** | | Khối lớp 7 | * Trước mỗi lớp học * Sân trường, cổng trường * Vị trí công trình măng non theo từng lớp * Vườn hoa của nhà trường | * Cây hoa * Cây bóng mát * Cây ăn quả | Vận động từ GV, cha mẹ HS cùng đóng góp. | | Công cụ sử dụng là phần mềm bảng tính điện tử. | | | | |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (55p)**

**Hoạt động 2.1: Giao diện phần mềm bảng tính (25p)**

a) Mục tiêu: HS làm quen với giao diện phần mềm bảng tính, nhận diện được các khu vực chính của màn hình làm việc và chức năng của chúng;HS nhận biết các khái niệm: Vùng dữ liệu, Đánh dấu vùng dữ liệu, địa chỉ vùng dữ liệu.

* Thực hiện được thao tác chọn một ô, hàng, cột, vùng trên trang tính.

b) Nội dung:GV yêu cầu HS tìm những điểm chung và các vị trí giống nhau của các phần mềm trang tính. Nêu được các chức năng của một số vị trí quan trọng trong giao diện phần mềm bảng tính và trả lời các câu hỏi trong phiếu bài tập 1.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập số 1.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1**: GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm thảo luận thống nhất kết quả trên phiếu học tập số 1.  *Quan sát giao diện làm việc của một phần mềm bảng tính mà em biết. Nêu tên các vùng chính và chức năng của chúng*  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện.  **- Báo cáo, thảo luận:**GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **- Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức  Nội dung chốt: kết quả phiếu bài tập số 1  **- Củng cố kiến thức:**    Đáp án: 1.A 2.B  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2**: GV yêu cầu HS quan sát kĩ hơn các ô và vùng trên trang tính. Xác định cách di chuyển con trỏ trên trang tính qua ô hiện thời. Xác định cách phần mềm đánh địa chỉ các ô và vùng dữ liệu Hình 6.2, ô ghi tên học sinh “Bùi Lê Đình Anh” được xác định như thế nào?    Chia nhóm thảo luận, mỗi nhóm khoảng 3-4hs. GV cho từng nhóm trao đổi và sau đó trả lời câu hỏi.  (?) Cách xác định địa chỉ của ô?  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.  **- Báo cáo, thảo luận:**GV gọi đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến  **- Kết luận, nhận định:** Ô ghi tên “Bùi Lê Đình Anh” là B6, được xác định bởi cột B và hàng 6.  <Địa chỉ ô> = <Tên cột><Tên hàng>  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 3**: GV yêu cầu học sinh đọc tài liệu SGK và xác định địa chỉ của vùng dữ liệu đang được chọn.  Nêu đặc điểm của vùng đang được chọn? Cách xác định địa chỉ vùng đang được chọn  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc SGK và trả lời câu hỏi của GV.  **- Báo cáo, thảo luận:**GV gọi HS trả lời câu hỏi và nhận xét.  **- Kết luận, nhận định:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 4**: Hs thảo luận theo nhóm (2hs/nhóm) trả lời câu hỏi sau:  Hãy thực hiện thao tác trên máy tính chọn (đánh dấu) ô C7; hàng 6; cột D; vùng D7:F9.  Qua đó, nêu thao tác chọn (đánh dấu) ô, hàng, cột, vùng trên bảng tính.  **- Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và trả lời câu hỏi của GV  **- Báo cáo, thảo luận:**Các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá  **- Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS và tổng kết. | **1. GIAO DIỆN PHẦN MỀM BẢNG TÍNH**  Phần mềm bảng tính là phần mềm ứng dụng giúp trình bày thông tin dưới dạng bảng một cách cô đọng và dễ so sánh, thực hiện các tính toán phổ biến (tính tổng, trung bình cộng, xác định giá trị lớn nhất, nhỏ nhất,…), vẽ các biểu đồ minh họa các số liệu tương ứng,…  - Các loại phần mềm bảng tính: Google Sheets, Microsoft Excel, Libre Calc,…  - Giao diện phần mềm bảng tính    **Ghi nhớ:**  - Phần mềm bảng tính giúp ta lưu lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán (từ đơn giản tới phức tạp) cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu trong bảng  - Mỗi ô trên trang tính được đánh địa chỉ theo cột và hàng. Địa chỉ của ô được quy định là tên cột ghép với tên hàng  - Nhiều ô liền kề tạo thành hình chữ nhật trên trang tính được gọi là vùng dữ liệu. Vùng dữ liệu được đánh địa chỉ theo dịa chỉ của ô góc trên bên trái và ô góc dưới bên phải, cách nhau bởi dấu “:”. Ví dụ B4:E11    Nhiều ô liền kề tạo thành hình chữ nhật trên trang tính gọi là vùng.  **<địa chỉ vùng> = <địa chỉ ô góc trên bên trái> :<địa chỉ ô góc dưới bên phải>**  **- Các thao tác chọn một ô, hàng, cột, vùng trên trang tính:**  + Chọn một ô: Nháy chuột vào ô cần chọn  + Chọn một hàng: Nháy chuột vào tên hàng cần chọn  + Chọn một cột: Nháy chuột vào tên cột cần chọn  + Chọn một vùng: Kéo thả chuột từ một ô góc đến ô ở góc đối diện. Ô chọn đầu tiên sẽ là ô hiện thời  - **<địa chỉ ô> = <tên cột><tên hàng>** |

**Hoạt động 2.3: Nhập, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong trang tính (20p)**

a) Mục tiêu: Hs cần nắm được

* Cách nhập và chỉnh sửa dữ liệu vào ô tính
* Hiểu được cách phần mềm tự động nhận biết và định dạng dữ liệu
* Phần mềm sẽ tự động nhận biết kiểu dữ liệu là số, văn bản hoặc ngày tháng
* Hs thực hiện được thao tác nhập dữ liệu, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong trang tính

b) Nội dung:

* Hs tìm hiểu SGK và thực hiện các bước nhập dữ liệu Hình 6.5 và trả lời các câu hỏi: các cách nhập dữ liệu, dữ liệu được nhập vào các ô sẽ được tự động căn chỉnh như thế nào?
* Thao tác thực hiện chọn (đánh dấu) một ô, hàng, cột, vùng trên trên trang tính.

c) Sản phẩm: Hình 6.5.1, nội dung phiếu bài tập số 2

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1**: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, nhập dữ liệu hình 6.5 vào trang tính và trả lời câu 1,2 trong phiếu học tập số 2  Graphical user interface, table  Description automatically generated  Chia nhóm thảo luận, mỗi nhóm 2hs. GV cho HS thảo luận và hoàn thiện phiếu bài tập số 2  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.  **- Báo cáo, thảo luận:**GV gọi đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến  **- Kết luận, nhận định:** Có 2 cách nhập:  Cách 1: Nhập trực tiếp tại ô tính  Cách 2: Nhập tại vùng nhập dữ liệu  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2**: Hãy quan sát bảng dữ liệu sau và cho biết đặc điểm khác biệt giữa trang tính hình 6.5 và Hình 6.5.1  Để thực hiện định dạng theo mẫu hình Hình 6.5.1 thì ta sử dụng những nút lệnh nào? Em hãy tìm hiểu và hoàn thiện phiếu bài tập số 2 (câu 3,4)  Graphical user interface, application, table, Excel  Description automatically generated  *Hình 6.5.1*  **- Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện yêu cầu của GV và hoàn thiện phiếu bài tập số 2  **- Báo cáo, thảo luận:**GV gọi HS trả lời câu hỏi và nhận xét.  **- Kết luận, nhận định:** | **2. NHẬP, CHỈNH SỬA VÀ ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU TRONG TRANG TÍNH**  **a) Cách nhập dữ liệu**  Bước 1. Nháy chuột vào ô muốn nhập  Bước 2. Thực hiện việc nhập dữ liệu bằng bàn phím, nhập xong ấn Enter    **b) Chỉnh sửa dữ liệu**  - Cách 1. Nháy đúp chuột vào ô cần sửa, ntieens hành sửa rồi nhấn Enter  - Cách 2. Nháy chuột vào ô cần sửa, sau đó nháy chuột vào vùng nhập dữ liệu, con trỏ soạn thảo xuất hiện trong vùng nhập dữ liệu, tiến hành sửa tại thanh này và ấn Enter để kết thúc.  **c) Định dạng dữ liệu**  Bước 1. Chọn vùng dữ liệu  Bước 2. Sử dụng các lệnh định dạng dữ liệu trong nhóm lệnh Font và Alignment của thẻ Home |

**Hoạt động 2.3: Thực hành: Nhập thông tin khảo sát dự án trường học xanh (25p)**

a) Mục tiêu: Hs rèn luyện kĩ năng sau:

* Thao tác tạo, nhập dữ liệu cho bảng tính.
* Thực hiện thao tác định dạng dữ liệu.
* Thực hiện thao tác lưu bảng tính.

b) Nội dung:

* Hs tạo, nhập dữ liệu cho bảng tính hình 6.7
* Thực hiện chỉnh sửa và định dạng dữ liệu theo mẫu hình 6.8
* Lưu lại bảng tính với tên **THXanh.xlsx**

c) Sản phẩm: Bảng tính **THXanh.xlsx**

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **\*‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức hoạt động thực hành cho học sinh  **HS:** thực hành trên máy tính  **\*‌ ‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ | **3. THỰC HÀNH**  ***Nhiệm vụ:*** Nhập thông tin khảo sát ban đầu của dự án Trường học xanh  ***Hướng dẫn***  Bước 1. Mở phần mềm Microsoft Excel. Chọn Blank workbook để tạo một bảng tính mới  Bước 2. Nhập dữ liệu khảo sát cho dự án Trường học xanh bao gồm các thông tin sau:   * Nhập tại ô A1: DỰ ÁN TRƯỜNG HỌC XANH * Nhập tại ô A2: Bảng 1. Khảo sát địa điểm trồng cây * Các cột thông tin chính sẽ là STT, Địa điểm, Loại cây     Bước 3. Chỉnh sửa, định dạng dữ liệu  - Điều chỉnh độ rộng các cột  - Định dạng chữ in đậm, màu xanh lá cây, tăng cỡ chữ theo tiêu đề bảng tại ô A1  - Cột STT: Căn dữ liệu vào giữa cột  Bước 4. Nháy đúp vào tên trang tính Sheet1 và nhập 1. Khảo sát để đỏi tên cho trang tính  - Hàng tiêu đề của bảng (hàng 3): Định dạng nền màu vàng và căn dữ liệu giữa ô  Bước 5. Lưu lại bảng với tên THXanh.xlsx bằng lệnh File/Save (hoặc ấn Ctrl+S) |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(3p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:

Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Muốn xóa nhanh dữ liệu trong một vùng thì em làm thế nào?

***Bài 2.***Có bao nhiêu cách nhập dữ liệu vào trang tính? Em hãy mô tả các cách đó.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (17’)

a) Mục tiêu:

- HS hiểu được phần mềm mặc định hiểu cách nhập ngày tháng năm

- Hs rèn luyện kĩ năng nhập và định dạng dữ liệu.

b) Nội dung: Thực hiện yêu cầu 1,2 phần vận dụng-SGK T33

c) Sản phẩm: Nội dung trả lời câu 1 và bảng tính Danh sách các loại cây

d) Tổ chức thực hiện:

\* Chuyển giao nhiệm vụ: Gv nêu yêu cầu thực hiện yêu cầu 1,2-Phần vận dụng SGK.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs trả lời câu hỏi số 1 vào vở ghi

+Câu hỏi số 2: hs thực hành trên máy tính

- Báo cáo, thảo luận: Hs làm bài cá nhân trên máy tính

- Kết luận, nhận định: Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi tạo nhập, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong bảng tính

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên | - PP hỏi – đáp | - Câu hỏi  - Bài tập  - Phiếu học tập  - Thực hành |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)***PHIẾU HỌC TẬP**

*Phiếu học tập số 1:*

Câu 1: Chức năng chính

của phần mềm bảng tính?

**1**

**3**

**4**

**2**

**5**

**6**

Câu 2:

Graphical user interface, application, table, Excel

Description automatically generated

\

|  |  |
| --- | --- |
| **Vị trí** | **Ý nghĩa** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*Phiếu học tập số 2:*

Câu 1: Có thể nhập dữ liệu vào trang tính theo bao nhiêu cách? Hãy nêu các cách đó?

Câu 2: Dữ liệu được nhập vào các ô sẽ được tự động căn chỉnh như thế nào?

Câu 3: Thao tác để chỉnh sửa dữ liệu trong ô tính?

Câu 4: Em hãy điền ý nghĩa của các nút lệnh sau:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated